PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học

(Tiếp theo Công báo số 139 + 140)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y học cổ truyền (Traditional Medicine)

Mã ngành đào tạo: 52720201

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền có y đức, có kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ), có khả năng thừa kế và phát triển vốn YHCT, kết hợp hài hòa YHCT với YHHĐ trong phòng bệnh và chữa bệnh, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng.

- Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ.

- Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về Kỹ năng:

- Chẩn đoán và xử lý các bệnh thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ;

- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;

- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường.

- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ;

- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường;

- Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ.

- Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hóa, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở;

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tham gia nghiên cứu khoa học;

- Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ (ưu tiên Trung văn), tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- **Khối lượng kiến thức tối thiểu**: 304 đơn vị học trình (ĐVHT), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 ĐVHT) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết)

- **Thời gian đào tạo:** 6 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	60
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó: - Kiến thức cơ sở của ngành - Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành) - Kiến thức bổ trợ (tự chọn) - Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	 59 112 58 15
Tổng cộng		**304**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: ***54 đvht (48 LT-06 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	TS ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN	4	4	
4	Ngoại ngữ	12	12	
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất *	5*	2*	3*
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh *	11*	11*	
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Dân số học	2	2	0
9	Sinh học và di truyền	5	4	1
10	Lý sinh	4	3	1
11	Hóa học	5	4	1
12	Tin học ứng dụng	2	1	1
13	Xác suất - Thống kê y học	3	2	1

TT	Tên môn học/học phần	TS ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
14	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
15	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0
Tổng cộng		**55***	**49***	**6***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.*

***3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu*:**

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 59 đvht (42 LT-17 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu	6	4	2
2	Mô phôi	4	3	1
3	Sinh lý	5	3	2
4	Hóa sinh	5	4	1
5	Vi sinh	4	3	1
6	Ký sinh trùng	4	3	1
7	Giải phẫu bệnh	3	2	1
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	4	3	1
9	Dược lý	5	4	1
10	Thực vật dược	2	1	1
11	Lý luận cơ bản YHCT	8	6	2
12	Dịch tễ học	3	2	1
13	Điều dưỡng cơ bản	3	2	1
14	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
	Tổng cộng	**59**	**42**	**17**

3.1.2.3. Kiến thức ngành: 112 đvht (60 LT-52 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Nội cơ sở	8	4	4
2	Ngoại cơ sở	8	4	4

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
3	Nội bệnh lý	12	6	6
4	Ngoại bệnh lý	8	4	4
5	Phụ sản	8	4	4
6	Nhi khoa	8	4	4
7	Lao	3	2	1
8	Da liễu	5	3	2
9	Phục hồi chức năng	3	2	1
10	Thần kinh	3	2	1
11	Ung thư	3	2	1
12	Tiền lâm sàng	4	0	4
13	Chương trình y tế quốc gia	2	2	0
14	Tổ chức và quản lý y tế	2	1	1
15	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	2	2	0
16	Chế biến dược liệu	2	1	1
17	Thuốc YHCT	6	4	2
18	Phương tễ	4	3	1
19	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	3	2	1
20	Châm cứu học	6	3	3
21	Bệnh học Ngũ quan	3	2	1
22	Bệnh học Lão khoa YHCT	3	2	1
23	Ôn bệnh	2	1	1
24	Thực tập cộng đồng (YHCT)	4	0	4
Tổng cộng		**112**	**60**	**52**

3.2. Mô tả nội dung các kiến thức bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị

trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 12 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y, đồng thời có thể áp dụng tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông (Anh văn) và Sơ cấp đối với sinh viên mới bắt đầu khi vào đại học (Trung văn).

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 11 đvht

Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học và cao đẳng.

8. Dân số học: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

9. Sinh học và di truyền: 5 đvht

Nội dung gồm các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); Cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền y học, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

10. Lý sinh: 4 đvht

Nội dung gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cụ thể.

11. Hóa học: 5 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

12. Tin học ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ bản

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.

13. Xác suất - Thống kê y học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Nội dung gồm một số khỏi niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

14. Tâm lý y học - đạo đức y học: 3 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

15. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

16. Giải phẫu: 6 đvht

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận/cơ quan/hệ cơ quan của cơ thể người; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Giải phẫu I* - 3 đvht.

Nội dung gồm: Giải phẫu đầu mặt cổ, chi trên, ngực.

- *Giải phẫu II* - 3 đvht.

Nội dung gồm: Giải phẫu bụng, chi dưới..

17. Mô phôi: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.

Nội dung mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

18. Sinh lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, Hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường; vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

19. Hóa sinh: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản và hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học.

20. Vi sinh: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

21. Ký sinh trùng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

22. Giải phẫu bệnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, mô phôi

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; vận dụng để xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh thường gặp ở Việt Nam.

23. Sinh lý bệnh - miễn dịch: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiểu năng miễn dịch và tự miễn.

24. Dược lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

25. Thực vật dược: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền.

Nội dung gồm thực vật dược đại cương, đặc điểm, vị trí, phân loại và quan hệ tiến hóa của các bậc phân loại chính, tính đa dạng của cây thuốc, ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, đặc biệt là những cây thuốc sử dụng trong y học cổ truyền.

26. Lý luận cơ bản YHCT: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết môn học: Dược lý, Tâm lý y học - Đạo đức y học.

Nội dung gồm những lý luận cơ bản của học thuyết âm dương, ngũ hành, kinh lạc, tạng phủ. Nguyên nhân gây bệnh của YHCT và phương pháp chẩn đoán bệnh theo YHCT: Tứ chẩn, bát cương. Nguyên tắc điều trị YHCT và các nguyên tắc nghiên cứu kế thừa Y học cổ truyền

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Lý luận YHCT I: 4 đvht

- Lý luận YHCT II: 4 đvht

27. Dịch tễ học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

28. Điều dưỡng cơ bản: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

29. Chẩn đoán hình ảnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, giải phẫu

Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...

29. Nội cơ sở: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

Nội dung gồm các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa. Các nguyên nhân gây bệnh của các hội chứng (theo Y học hiện đại) và các chứng (theo Y học cổ truyền).

- *Nội cơ sở I* - 4 đvht.

Nội dung gồm triệu chứng học về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu.

- *Nội cơ sở II* - 4 đvht.

Nội dung gồm triệu chứng học các chuyên khoa: Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

30. Ngoại cơ sở: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở

Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

Môn học Ngoại cơ sở được thiết kế thành 2 học phần:

- *Ngoại cơ sở I* - 4 đvht.

Nội dung gồm triệu chứng học của các chuyên khoa: Cấp cứu, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch.

- *Ngoại cơ sở II* - 4 đvht.

Nội dung gồm triệu chứng học của các chuyên khoa: Sọ não, cơ-xương khớp, tiết niệu, chấn thương, nhi khoa.

31. Nội bệnh lý: 12 đvht

Môn học Nội bệnh lý được thiết kế thành 2 phần:

**** Phần YHHĐ:***

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý.

Nội dung gồm những kiến thức chung về cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính một số bệnh lý nội khoa.

Phần Y học hiện đại được thiết kế thành 2 học phần:

- *Nội bệnh lý I* - 3 đvht:

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu.

- *Nội bệnh lý II* - 3 đvht.

Nội dung gồm chẩn đoán và điều trị một số bệnh chuyên khoa: Thần kinh, cơ - xương khớp, tiết niệu, nội tiết.

**** Phần YHCT:***

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý I, Nội bệnh lý II,Thuốc Y học cổ truyền, Phương tễ, Phương pháp điều trị không dùng thuốc, Châm cứu học.

Phần Y học cổ truyền được thiết kế thành 2 học phần:

- YHCT I: 3 đvht

- YHCT II: 3 đvht

Nội dung gồm các triệu chứng, chẩn đoán bệnh danh, các thể lâm sàng (phân tích nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh - biện chứng) từ đó đề ra phương pháp điều trị thích hợp (Luận trị) và áp dụng điều trị thực tế bằng phương dược và phương huyệt hay xoa bóp bấm huyệt.

32. Ngoại bệnh lý: 8 đvht

- *Ngoại bệnh lý I - Phần YHHĐ:* 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cừ sở, Chẩn đoán hình ảnh.

Nội dung gồm những kiến thức chung về đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

- *Ngoại bệnh lý II - Phần YHCT:* 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Ngoại bệnh lý I, Phục hồi chức năng, Thuốc Y học cổ truyền, Phương pháp điều trị không dùng thuốc.

Nội dung gồm đặc điểm bệnh lý và phương pháp điều trị một số bệnh thuộc lĩnh vực ngoại khoa YHCT trong đó có bệnh Trĩ, nắn bó gẫy xương trong các trường hợp nhẹ...

33. Phụ sản: 8 đvht

- Phụ sản I - Phần YHHĐ: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết:Nội cơ sở, ngoại cơ sở.

Nội dung gồm những kiến thức chung về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường, chẩn đoán định hướng và xử trí bước đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu, chẩn đoán một số trường hợp thai nghén bệnh lý và một số bệnh phụ khoa thường gặp.

- Phụ sản II - Phần YHHĐ: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Phụ sản I

Nội dung gồm đặc điểm sinh lý và bệnh lý của phụ nữ theo YHCT. Mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh sản phụ khoa thường gặp bằng thuốc YHCT và Phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

34. Nhi khoa: 8 đvht

- Nhi khoa I - Phần YHHĐ: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở.

Nội dung gồm chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý và tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ em. Một số kiến thức về bệnh lý trẻ em. Chẩn đoán và xử trí một số bệnh và cấp cứu nội khoa thường gặp ở trẻ em.

- Nhi khoa II - Phần YHCT: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa I

Nội dung gồm đặc điểm sinh bệnh lý trẻ em theo YHCT và mô tả triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị (thuốc, châm cứu, xoa bóp) một số bệnh nhi khoa thường gặp: Suy dinh dưỡng, ỉa chảy kéo dài, đái dầm, sởi, phục hồi di chứng bại liệt...

35. Lao: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm thực trạng bệnh lao ở Việt Nam và trên Thế giới. Các triệu chứng lâm sàng nghi lao, nguyên tắc và phác đồ điều trị lao trong chương trình phòng chống lao Quốc gia. Sự ảnh hưởng của bệnh lao trong cộng đồng, các biện pháp phòng ngừa lao; chẩn đoán một số thể lao điển hình thường gặp.

36. Da liễu: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

- Phần YHHĐ: Nội dung gồm thương tổn cơ bản một số bệnh da liễu thường gặp. Điều trị và phòng chống một số bệnh da liễu thường gặp ở tuyến cơ sở. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Phần YHCT: Nội dung gồm đặc điểm bệnh ngoài da theo YHCT và nguyên tắc điều trị chung. Mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh ngoài da thường gặp bằng thuốc YHCT và phương pháp điều trị không dùng thuốc.

37. Phục hồi chức năng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật; nguyên tắc và một số kỹ thuật trong phục hồi chức nóng bằng Y học hiện đại và Y học cổ truyền.

38. Thần kinh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp; Xử trí bằng các phương pháp Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng họng...

39. Ung thư: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về ung thư. Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh ung thư thường gặp ở Việt Nam. Dự phòng và phát hiện sớm một số bệnh ung thư thường gặp bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại.

40. Tiền lâm sàng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, truyền thông và giáo dục sức khỏe, lý luận Y học cổ truyền.

Thực hành những kỹ năng về giao tiếp, những kỹ năng thăm khám YHHĐ và YHCT trong nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa,... trên mô hình hoặc bệnh nhân giả định trước khi đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

41. Chương trình y tế quốc gia: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lao

Nội dung bao gồm hệ thống các chương trình y tế quốc gia, từ tình hình dịch tễ, các chính sách đến các chương trình can thiệp.

42. Tổ chức và quản lý y tế: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ

Trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng.

43. Tác phẩm kinh điển của YHCT Việt Nam: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thuốc Y học cổ truyền, Phương tễ.

Nội dung gồm học thuyết Thủy Hỏa của Hải Thượng Lãn Ông và một số vị thuốc, bài thuốc nghiệm phương điều trị một số chứng bệnh thường gặp trong Nam dược thần hiệu.

44. Chế biến dược liệu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực vật dược, Thuốc Y học cổ truyền

Nội dung gồm các phương pháp bào chế cổ truyền cơ bản đối với các vị thuốc thường dùng trong YHCT.

45. Thuốc YHCT: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thực vật dược, Chế biến dược liệu.

Nội dung gồm nguồn gốc, tính năng dược vật, cấm kỵ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng khoảng 300 vị thuốc YHCT thường dùng và các vị thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

46. Phương tễ: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Thuốc Y học cổ truyền, Chế biến dược liệu.

Nội dung gồm nguyên tắc, cấu tạo, cách xây dựng một bài thuốc YHCT. Phân loại các bài thuốc YHCT và 120 bài thuốc cổ phương cơ bản và các bài thuốc nam thường dùng trong cộng đồng.

47. Phương pháp điều trị không dùng thuốc: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch.

Nội dung gồm phương pháp dưỡng sinh cơ bản theo Y học cổ truyền; Phương pháp luyện khí công cơ bản; Chỉ định, chống chỉ định và các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt trong YHCT.

48. Châm cứu học: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Sinh hóa, Dược lý.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Châm cứu học I:* 3 đvht

- *Châm cứu học II:* 3 đvht

Nội dung gồm cơ chế châm cứu dưới góc độ của YHCT và YHHĐ. Chỉ định, chống chỉ định của châm cứu. Phương pháp và các thủ thuật châm cứu, các huyệt vị cơ bản theo đường kinh và phương huyệt điều trị một số bệnh thường gặp.

49. Bệnh học Ngũ quan: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm đặc điểm sinh lý và bệnh lý về mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt theo YHCT. Mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt mà YHCT có khả năng điều trị và kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền.

50. Bệnh học Lão khoa YHCT: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm đặc điểm sinh lý và bệnh lý của người cao tuổi theo YHCT, mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh người cao tuổi thường gặp bằng thuốc YHCT và phương pháp điều trị không dùng thuốc.

51. Ôn *bệnh: 2 đvht*

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm đặc điểm bệnh truyền nhiễm theo YHCT (Ôn bệnh) và mô tả triệu chứng, phương pháp điều trị, áp dụng thực tế điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp bằng thuốc YHCT.

52. Thực tập cộng đồng YHCT: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý. Nhi khoa, Phụ khoa, phương tễ, phương pháp điều trị không dùng thuốc, châm cứu học, chương trình y tế quốc gia.

Thiết kế và thực hiện chẩn đoán sức khỏe cộng đồng và bước đầu lập kế hoạch can thiệp bằng YHCT và YHCT kết hợp YHHĐ.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo ngành y học cổ truyền để thiết kế chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo**.**

4.1. Chương trình khung đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền

Chương trình khung đào tạo Bác sĩ YHCT được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa y có đào tạo ngành YHCT.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 6 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

Đối với các môn học/học phần nội dung gồm 2 phần YHHĐ và YHCT, tùy theo điều kiện của mỗi trường có thể giảng dạy riêng biệt hay lồng ghép nhưng phải đảm bảo đủ số giờ giảng về YHHĐ và nội dung yêu cầu trong phần mô tả môn học/học phần.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường cụ thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Y học cổ truyền theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Y học cổ truyền hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Y học cổ truyền đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Y học cổ truyền đã có. Và/hoặc bổ trợ các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập

Tổ chức thực hiện thực tập tại các phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

4.3.2. Thực hành lâm sàng

Sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện càng sớm càng tốt, thường được bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V. Thực hành lâm sàng tại các Bệnh viện

Y học cổ truyền, Khoa y học cổ truyền của Bệnh viện đa khoa, Bệnh viện đa khoa Y học hiện đại và một số bệnh viện chuyên khoa.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

Vào cuối năm thứ năm sau khi sinh viên đã học xong một số môn chuyên ngành.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

***4.4.1. Thực tập nghề nghiệp*:**

Thực hành cận lâm sàng: Tại các phòng thí nghiệm của trường, bệnh viện.

Thực hành lâm sàng: Tại cơ sở y tế ở các tuyến.

Thực tế tại cộng đồng: Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

4.4.2. Thi tốt nghiệp

Thời gian ôn thi và khóa luận: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian thi: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hình thức thi: có 2 hình thức

- Khóa luận tốt nghiệp, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị
- Thi lý thuyết, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành học Bác sỹ Y học cổ truyền

Để đào tạo ngành học Bác sỹ Y học cổ truyền, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà Trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các Trường cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/Bộ môn của ngành tối thiểu phải có:

Có đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các môn học, học phần thuộc kiến thức khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền.

Khoa Y học cổ truyền đảm bảo các tiêu chí và các quy định hiện hành có liên quan.

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Đủ các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu đào tạo các môn học/học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền.

Đủ mạng lưới các Bệnh viện thực hành, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo bác sỹ Y học cổ truyền..

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục
(Đề xuất danh mục một số học phần bổ trợ)

1. Danh mục một số học phần bổ trợ: 48 ĐVHT

Nhóm y học lâm sàng:

- Hồi sức cấp cứu
- Răng Hàm Mặt
- Mắt
- Tai Mũi Họng
- Truyền nhiễm
- Tâm thần
- Y học hạt nhân
- Dị ứng

Nhóm y học cơ sở và y học cộng đồng:

- Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm
- Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp
- Tổ chức và quản lý y tế
- Truyền thông và giáo dục sức khỏe
- Nhà nước và Pháp luật

Nhóm Y học cổ truyền:

- Nội kinh
- Thương hàn luận
- Kim quỹ yếu lược
- Y dịch

2. Mô tả nội dung một số kiến thức bổ trợ:

2.1. Hồi sức cấp cứu: 4 đvht

Nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và cách xử trí một số bệnh cấp cứu nội khoa thường gặp.

2.2. Răng hàm mặt: 3 đvht

Đặc điểm hình thái và mối quan hệ với chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng miệng phổ biến: Sâu răng và Nha chu viêm. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.

2.3. Mắt: 3 đvht

Một số bệnh mắt thông thường: Triệu chứng, cách phát hiện, chẩn đoán, điều trị. Cách sử dụng được một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

2.4. Tai mũi họng: 3 đvht

Dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng các bệnh tai mũi họng thông thường. Cách chẩn đoán và xử lý được một số bệnh thông thường, chẩn đoán định hướng và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa Tai mũi họng đi đúng tuyến chuyên khoa.

2.5. Truyền nhiễm: 5 đvht

Các triệu chứng lâm sàng thể điển hình của các bệnh truyền nhiễm thông thường và các thể lâm sàng, biến chứng của bệnh, các xét nghiệm để xác định chẩn đoán bệnh và điều trị một số bệnh truyền nhiễm thường gặp thể điển hình.

2.6. Tâm thần: 3 đvht

Triệu chứng, hội chứng học thường gặp trong thực hành tâm thần, cách xử trí được các trạng thái cấp cứu trong tâm thần như: Kích động, tự sát... Cách tổ chức chăm sóc và theo dõi bệnh nhân ở cộng đồng, cách vận dụng được các phương pháp điều trị cơ bản.

2.7. Y học hạt nhân: 3 đvht

Các nguyên lý và ưu điểm của một số phương pháp chẩn đoán y học hạt nhân in vitro như IRMA, RIA và ứng dụng. Cơ chế, nguyên lý và ưu điểm chẩn đoán y học hạt nhân in vitro thường dùng. Sử dụng các kỹ thuật y học hạt nhân thích hợp trong công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành của mình. Cơ chế, nguyên lý và ưu nhược điểm một số phương pháp điều trị phổ biến bằng y học hạt nhân. Nguyên lý, cơ chế, các biện pháp kiểm soát và an toàn bức xạ.

2.8. Dị ứng: 3 đvht

Khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn. Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, cơ hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks... Hướng dẫn được cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.

2.9. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm: 3 đvht

Kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

2.10. Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp: 3 đvht

Các yếu tố ảnh hưởng lên sức khỏe; các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe con người; các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau; các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động; các ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

2.11. Tổ chức và quản lý y tế: 2 đvht

Khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trình bày các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng.

2.12. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 1 đvht

Học phần giới thiệu các khái niệm về truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, vai trò của truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong công tác chăm sóc sức khỏe; các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

2.13. Nội kinh: 3 đvht

Dưỡng sinh, học thuyết âm dương ngũ hành, học thuyết tạng tượng và học thuyết kinh lạc, ngũ vận, lục khí. Bệnh chứng, chẩn đoán học và học thuyết trị liệu của Nội kinh.

2.14. Thương hàn luận: 3 đvht

Đại cương về thương hàn luận, triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị và lục bệnh truyền biểu.

2.15. Kim quỹ yếu lược: 3 đvht

Mạch chứng chữa một số bệnh thường gặp trong Kim quỹ yếu lược.

2.16. Y dịch: 3 đvht

Khái niệm về dịch và y dịch, tóm tắt lịch sử và nội dung chính của dịch, ứng dụng trong y học./.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Răng Hàm Mặt (Odonto-Stomatology, Dentistry)

Mã ngành đào tạo: 52720601

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Răng Hàm Mặt (RHM) có y đức; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học và nha khoa, để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của ngành y tế nói chung và của ngành RHM;
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng chung và ngành Răng Hàm Mặt;
- Có kiến thức chung về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thường gặp;

- Có kiến thức cơ bản về trạng thái bình thường, bệnh sinh, bệnh căn, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Răng Hàm Mặt;

- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học Răng Hàm Mặt;

- Nắm vững luật pháp, chính sách của Nhà nước bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, gắn với sức khỏe răng miệng.

Về kỹ năng

- Chẩn đoán và xử trí các bất thường và bệnh lý răng miệng và hàm mặt: sâu răng, nha chu, rối loạn chức năng hệ thống nhai...

- Chẩn đoán và xử trí ban đầu, một số bệnh răng hàm mặt, lệch lạc răng, mất răng, ung thư răng, dị tật bẩm sinh, viêm nhiễm, chấn thương hàm mặt...

- Xử trí được các trường hợp cấp cứu răng hàm mặt như chảy máu sau nhổ răng, viêm tủy răng, gãy xương hàm, viêm nhiễm vùng miệng - hàm mặt....

- Sử dụng kết hợp được một số biện pháp y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh răng hàm mặt;

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe; phối hợp tổ chức việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cộng đồng; bảo vệ, vệ sinh môi trường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp;

- Quản lý được một cơ sở Răng hàm mặt;

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 304 đơn vị học trình (đvht) - chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5đvht) và Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

- ***Thời gian đào tạo:*** 06 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Tên môn học/học phần	ĐVHT
1	***Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu*** (chưa kể các nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	60
2	***Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu***, trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở của ngành	81
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	90
	- Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	58
	- Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	15
Tổng cộng		**304**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 55 đvht (49LT-06 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý của Chủ Nghĩa Mác - Lênin	8	8	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	
3	Đường lối Cách mạng của Đảng CSVN	4	4	
4	Ngoại ngữ	12	12	
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất *	5*	2*	3*
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Dân số học	2	2	0
9	Sinh học và di truyền	5	4	1
10	Lý sinh	4	3	1
11	Hóa học	5	4	1
12	Tin học ứng dụng	2	1	1
13	Xác suất - Thống kê y học	3	2	1
14	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
15	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0
Tổng cộng		**55***	**49***	**6***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành 81 đvht (55 LT-26 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu	6	4	2
2	Mô phôi	4	3	1
3	Sinh lý	5	3	2
4	Hóa sinh	5	4	1

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
5	Vi sinh	4	3	1
6	Ký sinh trùng	4	3	1
7	Giải phẫu bệnh	3	2	1
8	Sinh lý bệnh & Miễn dịch	4	3	1
9	Dược lý	5	4	1
10	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
11	Điều dưỡng cơ bản	3	2	1
12	Nội cơ sở	3	2	1
13	Ngoại cơ sở	3	2	1
14	Bệnh học nội khoa	4	2	2
15	Bệnh học ngoại khoa	5	3	2
16	Nhi khoa	3	2	1
17	Phụ sản	3	2	1
18	Y học cổ truyền	3	2	1
19	Tai mũi họng	3	2	1
20	Mắt	3	2	1
21	Da liễu	2	1	1
22	Thần kinh	3	2	1
Tổng cộng		**81**	**55**	**26**

3.1.2.2. Kiến thức ngành ***90 đvht (48 LT- 42 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu răng	5	2	3
2	Mô phôi răng miệng	2	1	1
3	Sinh học miệng	2	1	1
4	Vật liệu - Thiết bị nha khoa	2	1	1
5	Mô phỏng lâm sàng	3	1	2
6	Cắn khớp học	5	3	2
7	Giải phẫu ứng dụng & Phẫu thuật thực hành miệng - hàm mặt	3	1	2

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
8	Phẫu thuật miệng	6	4	2
9	Bệnh học miệng và hàm mặt	8	5	3
10	Phẫu thuật hàm mặt	6	3	3
11	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	3	2	1
12	Chữa răng - Nội nha	8	4	4
13	Răng trẻ em	5	2	3
14	Nha chu I và II	8	4	4
15	Chỉnh hình răng - mặt	5	3	2
16	Phục hình I và II	6	4	4
17	Phục hình II và IV	8	4	4
18	Nha khoa công cộng	3	3	0
Tổng cộng		**90**	**48**	**42**

3.2. Mô tả nội dung khối kiến thức bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin: 8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 12 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường, lĩnh vực y học và ngành Răng Hàm Mặt; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung

cấp đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 11 đvht

Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học và cao đẳng.

8. Dân số học: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

9. Sinh học và di truyền: 5 đvht

Nội dung gồm các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); Cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền y học, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

10. Lý sinh: 4 đvht

Nội dung gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

11. Hóa học: 5 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

12. Tin học ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ bản

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.

13. Xác suất - Thống kê y học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Nội dung gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

14. Tâm lý y học - đạo đức y học: 3 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

15. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

16. Giải phẫu: 6 đvht

Nội dung gồm một số kiến thức về vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận/ cơ quan/hệ cơ quan của cơ thể người; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Giải phẫu I* - 3 đvht.

Nội dung gồm: Giải phẫu đầu mặt cổ, chi trên, ngực.

- *Giải phẫu II* - 3 đvht.

Nội dung gồm: Giải phẫu bụng, chi dưới.

17. Mô phôi: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền

Nội dung mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

18. Sinh lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, Hóa học, giải phẫu

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường; vận dụng những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

19. Hóa sinh: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản và hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học.

20. Vi sinh: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

21. Ký sinh trùng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển, đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại do ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

22. Giải phẫu bệnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, mô phôi.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; vận dụng để xác định chẩn đoán và tìm hiểu nguyên nhân một số bệnh thường gặp ở Việt Nam.

23. Sinh lý bệnh - miễn dịch: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các

yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiểu năng miễn dịch và tự miễn.

24. Dược lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Sinh lý

Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

25. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, vi sinh

Nội dung gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

26. Điều dưỡng cơ bản: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; cách xử trí các tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

27. Nội cơ sở: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm một số kỹ năng khám nội khoa toàn thân, các hệ cơ quan; nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng chính một số bệnh nội khoa thường gặp và có liên quan đến chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

28. Ngoại cơ sở: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết môn học: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm một số kỹ năng thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của một số bệnh ngoại khoa thường gặp; một số kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa.

29. Bệnh học nội khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý.

Nội dung gồm các tiêu chuẩn chẩn đoán và nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp và các bệnh có liên quan đến chuyên khoa răng hàm mặt.

30. Bệnh học Ngoại khoa: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Chẩn đoán hình ảnh.

Nội dung gồm đặc điểm bệnh học, triệu chứng lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, các nguyên tắc xử trí ban đầu, chỉ định và nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp.

31. Nhi khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Nội dung gồm chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa và chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý và tâm lý trẻ em. Đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ em. Một số kiến thức về bệnh lý trẻ em.

32. Phụ sản: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Nội dung gồm những kiến thức chung về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường; khái niệm về đẻ khó, thai nghén bệnh lý và các thủ thuật sản khoa thông thường; một số bệnh phụ khoa hay gặp; những hiểu biết cơ bản về sơ sinh học; công tác tư vấn về kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng.

33. Y học cổ truyền: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý

Nội dung gồm hệ thống lý luận chung về thuyết âm dương ngũ hành, về sức khỏe và bệnh lý YHCT; Các phương pháp chẩn đoán, điều trị và duy trì sức khỏe theo YHCT; thuốc đông dược và một số phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

34. Tai mũi họng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm những liên quan về giải phẫu, sinh lý, bất thường và bệnh lý giữa TMH và RHM. Dịch tễ học và nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh tai mũi họng thông thường. Chẩn đoán và xử trí một số bệnh TMH thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp; chẩn đoán định hướng, xử trí cấp cứu và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng.

35. Mắt: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt và thị giác; triệu chứng, cách phát hiện, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân và RHM. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

36. Da liễu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm thương tổn cơ bản một số bệnh da liễu thường gặp; điều trị, và phòng chống các bệnh da liễu thông thường ở tuyến cơ sở. Liên hệ giữa các tổn thương niêm mạc miệng và bệnh lý da liễu. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống bệnh phong và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

37. Thần kinh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, Ngoại bệnh lý.

Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp. Một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: hội chứng liệt nửa người, hội chứng liệt hai chân, hội chứng đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng hông..

38. Giải phẫu răng: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm đặc điểm hình thái và mối liên hệ với chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn), đặc điểm nhóm và đặc điểm cung của từng nhóm răng, đặc điểm riêng của từng răng, bộ răng người trong bối cảnh sinh học và sinh học tiến hóa. Kỹ năng nhận diện được các cấu trúc giải phẫu học trên răng khô, vẽ và điêu khắc các răng được chỉ định theo đúng mẫu, tỷ lệ kích thước và phương pháp trong thời gian quy định.

39. Mô phôi răng miệng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Mô phôi

Nội dung gồm các giai đoạn chính của sự hình thành phôi thai phần mềm, cấu trúc xương vùng hàm mặt và khớp thái dương hàm; các giai đoạn hình thành răng, cấu trúc mô học của các mô răng, nha chu, niêm mạc miệng; những ứng dụng trong bệnh học, dự phòng và điều trị các bệnh răng miệng.

40. Sinh học miệng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh, Sinh lý bệnh và miễn dịch.

Nội dung gồm quá trình hình thành các dịch và thành phần tích tụ trên răng; thành phần của các dịch vùng miệng và thành phần tích tụ trên răng. Các quá trình sinh học và sinh bệnh học liên quan đến môi trường miệng và các mô vùng răng miệng; các quá trình lý sinh vùng miệng.

41. Vật liệu - Thiết bị nha khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh; Hóa học.

Nội dung gồm cấu trúc và tính chất vật lý, tính tương hợp sinh học của vật liệu nha khoa; thành phần của từng loại vật liệu - vai trò và tính chất của các chất tham gia cấu thành vật liệu; các tính chất của từng vật liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất đó; những biến đổi lý, hóa của vật liệu nha khoa trong môi trường miệng; nêu được chỉ định và phương pháp sử dụng của từng loại vật liệu.

42. Mô phỏng lâm sàng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, Vật liệu - trang thiết bị nha khoa.

Nội dung gồm những nguyên tắc hợp lý hóa lao động trong điều trị RHM; hướng dẫn thực hiện trên mô hình và bệnh nhân giả một cách thành thạo và đúng phương pháp các thao tác cơ bản trong các loại hình điều trị RHM, thể hiện được thái độ làm việc chuyên nghiệp, cẩn thận và có trách nhiệm trong điều trị RHM trên mô hình và bệnh nhân

43. Cắn khớp học: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Giải phẫu răng, Mô phỏng lâm sàng.

Nội dung gồm giải phẫu chức năng của hệ thống nhai; động học của hàm dưới; các hoạt động chức năng, cận chức năng và mối liên hệ với các quá trình bệnh lý. Sử dụng được các giá khớp như một phương tiện chẩn đoán và điều trị; có khả năng chẩn đoán và điều trị đau loạn năng hệ thống nhai với phương pháp mài điều chỉnh khớp cắn và máng nhai.

44. Giải phẫu ứng dụng và Phẫu thuật thực hành miệng- hàm mặt: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Giải phẫu răng, Ngoại cơ sở, Điều dưỡng cơ bản.

Nội dung mô tả và nhận diện được trên mô hình và trên xác các cấu trúc giải phẫu học của xương mặt, cơ nhai và khớp thái dương hàm; phân bố giải phẫu của dây thần kinh, hệ thống mạch máu và mạch bạch huyết vùng miệng hàm mặt. Những nguyên tắc căn bản của điều trị ngoại khoa; thao tác cơ bản trong điều trị phẫu thuật; mô phỏng được một số thủ thuật cơ bản trong phẫu thuật miệng, hàm mặt.

45. Phẫn thuật miệng: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Ngoại cơ sở, Ngoại bệnh lý, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Giải phẫu răng, Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng - hàm mặt, Bệnh học miệng và hàm mặt.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Phẫu thuật miệng I: 3 đvht

- Phẫu thuật miệng II: 3 đvht

Nội dung gồm các nguyên tắc cơ bản của phẫu thuật răng miệng; chỉ định, chống chỉ định trong phẫu thuật răng miệng; phương pháp gây tê, nhổ răng và phẫu thuật răng miệng thông thường; các tai biến thường gặp trong gây tê, nhổ răng và phẫu thuật miệng; nguy cơ có thể xảy ra khi gây tê, nhổ răng và phẫu thuật miệng trên bệnh nhân có cơ địa đặc biệt. Kỹ thuật gây tê tại chỗ, gây tê vùng và nhổ các răng thông thường; thực hiện thành thạo chức trách dụng cụ viên, phụ mổ; thực hành một số phẫu thuật đơn giản: phẫu thuật răng lệch, phẫu thuật bảo tồn răng, phẫu thuật tiền phục hình, phẫu thuật một số u nhỏ lành tính vùng miệng; xử trí các tai biến có thể xảy ra khi gây tê, nhổ răng và phẫu thuật miệng.

46. Bệnh học miệng và hàm mặt: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh và miễn dịch, Dược lý, Sinh học và di truyền, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Giải phẫu răng, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa, Cắn khớp.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Bệnh học miệng và hàm mặt I: 4 đvht

- Bệnh học miệng và hàm mặt II: 4 đvht

Nội dung gồm quy trình hỏi bệnh sử, khám và chẩn đoán đối với các bệnh vùng miệng, hàm mặt; đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, giải phẫu bệnh của các bệnh vùng miệng, hàm mặt tương đối thường gặp; cách xử trí đúng đắn đối với các bệnh phổ biến vùng miệng; Phát hiện được các tổn thương tiền ung thư và ung thư để có hướng xử trí thích hợp. Đề ra được những biện pháp phòng và chống ung thư miệng cho cá nhân và cộng đồng. Nhận diện và đề ra được hướng xử trí đối với biểu hiện vùng miệng của các bệnh hệ thống. Điều trị nội khoa các bệnh phổ biến vùng miệng theo đúng những quy tắc về ghi toa (đơn) thuốc.

47. Phẫn thuật hàm mặt: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Dược lý, Ngoại cơ sở, Ngoại bệnh lý, Giải phẫu răng, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa, Cắn khớp, Giải phẫu ứng dụng và Phẫu thuật thực hành miệng - hàm mặt, Phẫu thuật miệng.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Phẫu thuật hàm mặt I:* 3 đvht

- *Phẫu thuật hàm mặt II:* 3 đvht

Nội dung gồm các đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng của các loại chấn thương hàm mặt, các u và nang thường gặp vùng hàm mặt; khám, chẩn đoán và xử trí được các trường hợp chấn thương hàm mặt đơn giản liên quan đến phần mềm và phần xương. Thực hiện việc sơ cứu và săn sóc bệnh nhân bị chấn thương hàm mặt; phương pháp điều trị phẫu thuật cơ bản đối với nang và u lành tính vùng hàm mặt. Giải thích cơ chế hình thành dị tật khe hở bẩm sinh vùng hàm mặt; các rối loạn hình thái, chức năng và tâm lý ở bệnh nhân bị dị tật khe hở bẩm sinh; vẽ và mô tả được các kỹ thuật cơ bản trong phẫu thuật tạo hình khe hở bẩm sinh môi - hàm ếch.

48. Chẩn đoán hình ảnh nha khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, Giải phẫu, Giải phẫu răng, Mô phôi răng miệng.

Nội dung gồm các kỹ thuật hình ảnh để chẩn đoán vùng răng hàm mặt; chụp phim tia X trong và ngoài miệng để chẩn đoán và phục vụ các điều trị chuyên khoa RHM; Chẩn đoán bằng hình ảnh các tổn thương và bệnh lý thường gặp của răng, mô nha chu, xương hàm và tuyến nước bọt; các kỹ thuật hình ảnh hiện đại để chẩn đoán bệnh lý vùng răng hàm mặt

49. Chữa răng - nội nha: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, Vật liệu - thiết bị nha khoa, Mô phôi răng miệng, Sinh học miệng, Mô phỏng lâm sàng, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Chữa răng - nội nha I:* 4 đvht

- *Chữa răng - nội nha II:* 4 đvht

Nội dung gồm:

Bệnh học răng: đặc điểm dịch tễ học và lâm sàng của các tình trạng bệnh lý và bất thường của răng; những yếu tố để chẩn đoán sớm và chính xác các tình trạng bệnh lý và bất thường của răng; những hướng điều trị và cách phòng ngừa thích hợp.

Sâu răng học: nguyên nhân, đặc điểm và cơ chế hình thành sâu răng; các phương pháp chẩn đoán sâu răng sớm; các biện pháp dự phòng và điều trị sâu răng; phương pháp tiên đoán khả năng hình thành sâu răng và các biện pháp kiểm soát sâu răng cho cá nhân và cộng đồng.

Chữa răng: lập được kế hoạch điều trị chữa răng tích hợp trong điều trị răng miệng nói riêng và điều trị toàn thân nói chung; thực hiện được các biện pháp điều trị mất chất mô răng theo quan điểm bảo tồn với các vật liệu phục hồi thông dụng.

Nội nha: các cơ sở nền tảng trong nội nha lâm sàng; các kỹ thuật thông dụng trong điều trị tủy bằng phương pháp lấy tủy toàn phần; mối liên quan giữa nội nha và một số các chuyên ngành khác

50. Nha khoa trẻ em: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Nhi, Giải phẫu răng, Vật liệu thiết bị nha khoa, Mô phỏng lâm sàng, Cắn khớp học, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về sự phát triển và tăng trưởng thể chất và tinh thần của trẻ; biện pháp xử trí trẻ trên ghế nha khoa; kỹ thuật phòng ngừa và điều trị đơn giản các bệnh răng miệng thông thường ở trẻ; chẩn đoán và đề ra hướng giải quyết thích hợp đối với các biểu hiện bất thường ở vùng miệng của các bệnh toàn thân và bệnh lý đặc hiệu ở trẻ. Xây dựng được mối quan hệ và hợp tác giữa người điều trị - bệnh nhân - phụ huynh trong dự phòng, điều trị và giáo dục vệ sinh răng miệng. Hoàn thiện kỹ năng thực hiện bệnh án, kế hoạch điều trị, thực hiện chăm sóc và theo dõi trong suốt quá trình điều trị. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật, phương pháp điều trị và phòng ngừa các bệnh răng miệng thông thường.

51. Nha chu: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh, Giải phẫu bệnh, Dược lý, Nội cơ sở, Nội bệnh lý, Giải phẫu răng, Vật liệu thiết bị nha khoa, Mô phỏng lâm sàng, Cắn khớp học, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa, Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng - hàm mặt.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Nha chu I:* 4 đvht

- *Nha chu II:* 4 đvht

Nội dung gồm nướu lành mạnh và nướu bệnh lý, sinh học môi trường miệng trong bệnh nha chu; điều trị dự phòng bệnh nha chu; các thể bệnh nha chu; các yếu tố nguy cơ trong bệnh nha chu; mối liên quan giữa bệnh nha chu và các bệnh lý khác; lập kế hoạch và thực hiện điều trị nha chu không phẫu thuật cho từng loại bệnh nha chu; điều trị phẫu thuật nha chu đơn giản; giải thích được cơ chế lành thương trong điều trị bệnh nha chu.

52. Chỉnh hình răng mặt: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, Giải phẫu răng, Mô phôi răng miệng, Vật liệu thiết bị nha khoa, Mô phỏng lâm sàng, Cắn khớp học, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa.

Nội dung gồm sự tăng trưởng bình thường của hệ thống sọ mặt; phân tích cách áp dụng lực cơ học trong chỉnh hình răng mặt; các bước khám và chẩn đoán bệnh nhân chỉnh hình răng mặt; phân tích được các số đo trên phim sọ nghiêng theo phương pháp Steiner; các nguyên tắc dự phòng và điều trị chỉnh hình can thiệp sai khớp cắn hạng I, II và III; các nguyên nhân gây tái phát trong chỉnh hình răng mặt; Thực hiện và áp dụng được trên bệnh nhân một số khí cụ chỉnh hình tháo lắp đơn giản và khí cụ duy trì kết quả sau điều trị chỉnh hình răng mặt.

53. Phục hình I và II: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu răng, Vật liệu thiết bị nha khoa, Mô phỏng lâm sàng, Cắn khớp học, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa.

- *Phục hình I:* 4 đvht

- *Phục hình II:* 4 đvht

Nội dung gồm các nguyên tắc cơ bản, chỉ định và ưu nhược điểm của các loại phục hình cố định; đánh giá và chọn lựa răng trụ và kiểu cầu răng cho bệnh nhân mất răng từng phần.; phân tích sự liên quan giữa phục hình răng cố định với mô răng, mô nha chu, khớp cắn và khớp Thái dương hàm; thực hiện được trên lâm sàng các loại mão, cầu răng cố định đơn giản.

54. Phục hình III và IV: 8 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu răng, Vật liệu thiết bị nha khoa, Mô phỏng lâm sàng, Cắn khớp học, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa, Phục hình I, II..

- *Phục hình III:* 4 đvht

- *Phục hình IV:* 4 đvht

Nội dung gồm Khám, chẩn đoán, chỉ định và lập kế hoạch điều trị tiền phục hình và phục hình cho bệnh nhân mất răng từng phần và toàn phần; những yếu tố giải phẫu sinh lý ở người mất răng có ảnh hưởng đến việc làm phục hình tháo lắp;

các kiểu cấu trúc của phục hình răng tháo lắp từng phần nền nhựa và khung kim loại; kỹ thuật làm phục hình răng tháo lắp từng phần và toàn phần thông thường trên lâm sàng; điều chỉnh và sửa chữa các thay đổi và hư hỏng sau phục hình.

55. Nha khoa công cộng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất thống kê y học, Dân số học, Giải phẫu răng, Vật liệu thiết bị nha khoa, Mô phỏng lâm sàng, Cắn khớp học, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa, Phẫu thuật miệng, Bênh học miệng và hàm mặt, Chữa răng - nội nha, Răng trẻ em, Nha chu.

Nội dung gồm mối liên quan giữa bệnh răng miệng và các yếu tố môi trường, thói quen, và dịch vụ y tế; tổ chức và thực hiện điều tra tình hình sức khỏe răng miệng; ứng dụng thống kê sinh học cơ bản để chọn mẫu, xử lý kết quả điều tra tình hình sức khỏe răng miệng và so sánh tỷ lệ bệnh trong các cộng đồng khác nhau; mô tả và áp dụng các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng; vai trò của fluoride, sealant và vệ sinh răng miệng trong các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng. Tổ chức, quản lý và đánh giá hiệu quả một phòng Nha học đường cố định.

4. Hướng dẫn thực hiện và sử dụng chương trình khung đào tạo bác sỹ răng hàm mặt để xây dựng chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1 Chương trình khung đào tạo Bác sỹ Răng Hàm Mặt

Chương trình khung đào tạo Bác sỹ Răng hàm mặt được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa y có đào tạo Bác sỹ Răng hàm mặt..

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 6 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Răng hàm mặt theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Răng hàm mặt hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Răng hàm mặt, đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần răng hàm mặt đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thi tốt nghiệp

4.3.1. Thời gian ôn thi và làm khóa luận: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3.2. Thời gian thi: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3.3. Hình thức thi: Thi tốt nghiệp có thể là khóa luận tốt nghiệp hay thi cuối khóa hoặc kết hợp cả hai hình thức:

- Khóa luận tốt nghiệp: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Thi cuối khóa: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Gồm hai phần Lý thuyết và Thực hành, điểm thi của từng phần độc lập với nhau.

+ **Lý thuyết:** Trọng tâm là các môn học thuộc chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

+ **Thực hành:** Có thể áp dụng một trong các hình thức hoặc kết hợp các hình thức:

* Thi lâm sàng (bệnh án)

* Thi nhiều trạm (OSPE)

4.4. Điều kiện tối thiểu để trường đào tạo ngành Bác sỹ Răng Hàm Mặt

Để đào tạo Bác sỹ Răng Hàm Mặt, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.4.1. Tổ chức:

Cần hình thành các bộ môn hoặc các nhóm bộ môn:

- Nha khoa cơ sở (giải phẫu răng, mô phôi răng miệng, vật liệu và thiết bị nha khoa, cắn khớp, sinh học miệng, chẩn đoán hình ảnh…)

- Nha khoa phục hồi (Chữa răng - nội nha, phục hình, nha chu…)

- Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật (giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng - hàm mặt, bệnh học miệng, phẫu thuật miệng, phẫu thuật hàm mặt…)

-Nha khoa dự phòng và phát triển (răng trẻ em, chỉnh hình răng mặt, nha khoa công cộng…)

4.4.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Cần có cơ sở thực hành gồm:

- Khu thực hành tiền lâm sàng,

- Khu thực hành La bô,

- Khu điều trị ngoại trú,

- Bệnh viện thực hành có khoa phẫu thuật hàm mặt tối thiểu tương đương tuyến tỉnh theo phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế.

Mỗi khu thực hành nêu trên cần đảm bảo có số đơn vị thực hành (ghế máy, đơn vị làm việc) tối thiểu xấp xỉ 1/2 số tuyển sinh hàng năm (thí dụ: tuyển 50 sinh viên, cần có 25 đơn vị thực hành tiền lâm sàng, 25 đơn vị thực hành labô, 25 bộ ghế máy lâm sàng).

4.4.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

4.4.4. Các điều kiện đảm bảo khác

Mô hình phổ biến trên thế giới hiện nay là Khoa hoặc trường Răng Hàm Mặt nằm trong một đại học đa ngành - đa lĩnh vực hoặc trong Đại học đa ngành về Khoa học Sức khỏe. Các điều kiện đảm bảo khác (giảng dạy các môn giáo dục đại cương, các môn cơ sở, hệ thống thư viện, ký túc xá…) được Đại học điều phối và thực hiện chung.

(1) Thực tập bao gồm Mô phôi răng miệng và Sinh học miệng

(2) Thực tập bao gồm cả Vật liệu và Thiết bị nha khoa.

(3) Phần thực tập trong chương trình "Thực tập cộng đồng" (kiến thức bổ trợ)./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục
(Đề xuất danh mục một số học phần bổ trợ)

Phần bổ trợ (đặc thù) lý thuyết, thực hành do các Trường/Khoa đề xuất và xây dựng, thể hiện trong chương trình chi tiết. Dưới đây là một số gợi ý về các học phần bổ trợ cho nhà trường lựa chọn để đào tạo

TT	Tên môn học/Học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Nha khoa phục hồi tổng quát (*)	8	2	6
2	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật (*)	6	2	4
3	Gây mê hồi sức trong RHM	3	2	1
4	Nha khoa dự phòng và phát triển (*)	4	1	3
5	Nha khoa cấy ghép (*)	3	2	1
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học (*)	3	2	1
7	Tổ chức hành nghề BS RHM (*)	2	2	0
8	Lão nha học	2	2	0
9	Ghi hình (chụp ảnh và quay video) trong RHM	2	1	1
10	Nha khoa hiện đại (*)	2	2	0
11	Mỹ thuật và ứng dụng trong RHM	2	1	1
12	Nhân học răng và cổ nha học	2	1	1
13	Điều dưỡng nha khoa	2	1	1
14	Nha khoa cho người tàn tật	2	2	0
15	Nha khoa gia đình	2	1	1
16	Pháp nha học	2	1	1
17	Điều trị loạn năng hệ thống nhai	2	1	1
18	Lịch sử nha khoa	2	2	0
19	Phục hình hàm mặt và tạo hình	3	1	2
20	Các phong tục về răng miệng	2	2	0
21	Đào tạo thực địa & Thực tập cộng đồng (*)	5	1	4
22	Nhà nước và Pháp luật	2	1	1

Chương trình này thiết kế 56 đvht tự chọn (đặc thù, bổ trợ), trong đó có 35 đvht thuộc 10 môn học/học phần được đánh dấu * là những học phần bắt buộc phải tích lũy./.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Xét nghiệm y học

(Laboratory Medicine Technique)

Mã ngành đào tạo: 52720332

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Xét nghiệm y học có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật - công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học;

- Hiểu biết các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học;

- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm lâm sàng thông thường và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.

- Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.

- Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

- Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y sinh học.

- Tham gia chỉ đạo tuyến và phòng chống dịch.

- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

- Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- *Khối lượng kiến thức tối thiểu*: 202 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (11 đvht)

- *Thời gian đào tạo:* 04 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	43
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu,** trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành	27
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	86
	- Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	30
	- Thực tế nghề nghiệp	06
	- Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10
Tổng cộng		**202**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 đvht (39 LT - 02 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4	4	0
4	Ngoại ngữ (Có NN chuyên ngành)	10	10	0
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5*	2*	3*
7	Giáo dục quốc phòng - An ninh*	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - thống kê y học	2	2	0
9	Hóa học	2	2	0
10	Sinh học và di truyền	3	2	1
11	Vật lý và Lý sinh	2	2	0
12	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
Tổng cộng		**41***	**39***	**2***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh.*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành 27 đvht (22 LT - 05 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu - Sinh lý - Mô	7	5	2
2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0
3	Dược lý chuyên ngành	2	2	0
4	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	1
5	Bệnh học Nội khoa	2	2	0

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
6	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	0
7	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	2	0
8	Sức khỏe môi trường	2	2	0
9	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	3	2	1
10	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	3	2	1
	Tổng cộng	**27**	**22**	**5**

3.1.2.2. Kiến thức ngành ***86 đvht (33 LT - 53 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Xét nghiệm cơ bản	4	2	2
2	Huyết học tế bào 1	4	2	2
3	Huyết học tế bào 2	3	1	2
4	Huyết học đông máu	2	1	1
5	Huyết học truyền máu	2	1	1
6	Xét nghiệm huyết học nâng cao	4	2	2
7	Hóa sinh 1	4	3	1
8	Hóa sinh 2	2	1	1
9	Hóa sinh 3	3	1	2
10	Hóa sinh 4	3	1	2
11	Vi sinh 1	4	2	2
12	Vi sinh 2	4	2	2
13	Vi sinh 3	3	1	2
14	Vi sinh 4	3	1	2
15	Ký sinh trùng 1	4	2	2
16	Ký sinh trùng 2	4	2	2
17	Ký sinh trùng 3	3	1	2
18	Xét nghiệm tế bào 1	4	2	2
19	Xét nghiệm tế bào 2	3	2	1
20	Y sinh học phân tử	3	1	2

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
21	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1
22	Chống nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1
23	Thực tập KTXN 1: Vi sinh - Ký sinh trùng	4	0	4
24	Thực tập KTXN 2: Hóa sinh	4	0	4
25	Thực tập KTXN 3: Huyết học	4	0	4
26	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh	4	0	4
Tổng cộng		**86**	**33**	**53**

KTXN: Kỹ thuật xét nghiệm

***3.2.* Mô tả nội dung các học phần bắt buộc**

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 10 đvht

Gồm 3 học phần.

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản giúp cho sinh viên sử dụng được các phần mềm ứng dụng như: hệ điều hành Win XP; Microsoft Word 2000; Microsoft Excel 2000 và phần mềm thống kê Y học EPI INFO 2002.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

7. Giáo dục quốc phòng - An ninh: 11 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - thống kê y học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển, kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và lý sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.

13. Tâm lý y học và Đạo đức Y học: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu - Sinh lý - Mô: 7 đvht

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể và vi thể các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của các cơ quan. Chia làm 3 học phần: Giải phẫu, Sinh lý và Mô học.

15. Sinh lý bệnh - Miễn dịch: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý phổ biến; Vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch

16. Dược lý: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý, Sinh lý bệnh, Vi sinh, Ký sinh, Hóa sinh.

Nội dung học phần bao gồm kiến thức cơ bản về dược lý học tác dụng và cách sử dụng một số thuốc thông thường, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa nhằm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân

17. Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Dược lý; Tâm lý học và Đạo đức y học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc người bệnh và sơ - cấp cứu ban đầu người bị nạn và các kỹ thuật tiêm, truyền..

18. Bệnh học Nội khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch; Dược lý; Tâm lý học và Đạo đức y học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, phương pháp phòng và xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp.

19. Bệnh học Ngoại khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và Đạo đức y học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, phương pháp phòng và xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

20. Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Bệnh học Nội khoa

Nội dung gồm kiến thức về vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng, thành phần các chất dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm, một số bệnh do dinh dưỡng không hợp lý và thực phẩm không an toàn; biện pháp phòng chống các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm; Vệ sinh ăn uống, vệ sinh bảo quản, chế biến thực phẩm; Một số chế độ ăn bệnh lý thường gặp.

21. Sức khỏe môi trường: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống.

22. Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ, diễn biến, các biện pháp phòng chống dịch và đặc điểm dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

23. Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe: 3 đvht

Nội dung gồm hệ thống tổ chức mạng lưới y tế, các chương trình y tế quốc gia đang triển khai thực hiện, các kiến thức về truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các phương pháp, phương tiện truyền thông trong công tác giáo dục chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

24. Xét nghiệm cơ bản: 4 đvht

Nội dung học phần giúp cho sinh viên có kiến thức và vận dụng được các khái niệm về an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm, sử dụng thành thạo các dụng cụ, máy móc và các thao tác cơ bản trong phòng thí nghiệm xét nghiệm y học.

25. Huyết học tế bào: 7 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Mô - Sinh lý, Sinh lý bệnh

Gồm 2 học phần huyết học tế bào 1 và 2

Nội dung gồm kiến thức hiểu biết về máu và các loại tế bào máu. Từ đó sinh viên có thể làm thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm về tế bào và nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý của các tế bào máu.

26. Huyết học đông máu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Mô - Sinh lý, Sinh lý bệnh, Huyết học tế bào 1

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về cơ chế sinh lý bình thường và bệnh lý của cầm máu - đông máu. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm trong đông- cầm máu và phân tích, nhận định kết quả bình thường và bệnh lý.

27. Huyết học truyền máu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Mô - Sinh lý, Sinh lý bệnh, Huyết học tế bào 1

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về miễn dịch trong huyết học, những ứng dụng trong truyền máu. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm trong truyền máu.

28. Xét nghiệm Huyết học nâng cao: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Huyết học tế bào, Huyết học truyền máu, Đông máu..

Nội dung gồm kiến thức hiểu biết sâu hơn một số bệnh về máu và vấn đề an toàn trong truyền máu. Từ đó sinh viên có thể thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm về tế bào, đông máu, miễn dịch huyết học chuyên sâu và nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng tình trạng bệnh lý.

29. Hóa sinh 1: Cấu tạo và chuyển hóa chất: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học và chuyển hóa các chất trong cơ thể sống và cơ sở ứng dụng trong xét nghiệm hóa sinh lâm sàng.

30. Hóa sinh 2: Hóa sinh mô cơ quan: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh 1

Nội dung gồm kiến thức về chức năng hóa sinh một số cơ quan trong cơ thể. Thực hiện được các xét nghiệm định tính, định lượng các chất trong máu và nước tiểu.

31. Hóa sinh 3: Hóa sinh lâm sàng 1: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh 1 và 2

Nội dung gồm các kiến thức về xét nghiệm hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh và kiểm soát được chất lượng, phân tích được ý nghĩa và giá trị của những thay đổi kết quả xét nghiệm hóa sinh trong các trường hợp bệnh lý cụ thể.

32. Hóa sinh 4: Hóa sinh lâm sàng 2: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh 1, 2, 3

Nội dung gồm các kiến thức về xét nghiệm hóa sinh lâm sàng, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh và kiểm soát được chất lượng, phân tích được ý nghĩa và giá trị của những thay đổi kết quả xét nghiệm hóa sinh trong các trường hợp bệnh lý cụ thể.

33. Vi sinh 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học và Sinh học - Di truyền

Nội dung gồm kiến thức về đặc điểm sinh lý, cấu trúc kháng nguyên, tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn để giúp cho công tác chẩn đoán và những kỹ thuật cơ bản được sử dụng trong các xét nghiệm Vi sinh như: Pha chế một số môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm sử dụng trong chẩn đoán vi khuẩn và thực hiện một số

phương pháp nhuộm, nuôi cấy xác định tính chất sinh vật hóa học và kỹ thuật kháng sinh đồ.

34. Vi sinh 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh 1

Nội dung gồm kiến thức về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học từng loại vi khuẩn gây bệnh. Thực hiện kỹ thuật nuôi cấy phân lập và xác định các vi khuẩn gây bệnh..

35. Vi sinh 3: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh 1, 2

Nội dung gồm kỹ năng thực hiện kỹ thuật chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh từ các loại bệnh phẩm.

36. Vi sinh 4: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh 1, 2, 3

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích chẩn đoán vi sinh vật gây bệnh từ các bệnh phẩm lâm sàng và ứng dụng một số kỹ thuật chẩn đoán vi sinh hiện đại.

37. Ký sinh trùng 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về một số ký sinh trùng gây bệnh cho người như: đại cương, các định nghĩa, tình hình bệnh ký sinh trùng; giun sán y học. Thực hiện được các kỹ thuật chẩn đoán bệnh giun sán.

38. Ký sinh trùng 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Ký sinh trùng 1

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về một số ký sinh trùng gây bệnh cho người như: đơn bào, nấm y học. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán xác định ký sinh trùng đơn bào và nấm.

39. Ký sinh trùng 3: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Ký sinh trùng 1, 2

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về sốt rét và tiết túc y học. Thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán bệnh sốt rét và bệnh do tiết túc truyền cho người, định loại tiết túc y học.

40. Xét nghiệm tế bào 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Mô - Sinh lý; sinh lý bệnh.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các xét nghiệm tế bào học. Từ đó sinh viên có thể làm thành thạo một số kỹ thuật xét nghiệm về tế bào và nhận định được giữa giá trị xét nghiệm với thực tế từng bệnh lý của các tế bào.

41. Xét nghiệm tế bào 2: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xét nghiệm tế bào 1.

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản, những biến đổi hình thái học của tế bào và tổ chức mô trong bệnh lý. Tiến hành được các kỹ thuật xét nghiệm tế bào cơ bản.

42. Y sinh học phân tử: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng về sinh học phân tử và các kỹ thuật sinh học phân tử ứng dụng trong y sinh học như: kỹ thuật tách chiết acid nucleic, điện di và PCR trong chẩn đoán

43. Kiểm tra chất lượng xét nghiệm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật xét nghiệm chuyên ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về kiểm tra chất lượng xét nghiệm như nguyên nhân cơ bản làm sai lệch kết quả xét nghiệm và cách khắc phục. Thực hiện được giá trị đối chiếu cho một xét nghiệm thông thường và thực hiện được quá trình nội kiểm tra và xử lý được những tình huống kết quả xét nghiệm ra ngoài phạm vi kiểm tra.

44. Chống nhiễm khuẩn bệnh viện: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật

Nội dung gồm các khái niệm về nhiễm trùng bệnh viện và các kỹ năng công tác chống nhiễm trùng tại bệnh viện, kỹ năng thực hiện nội dung vệ sinh khoa phòng và biện pháp khử trùng - tiệt trùng trong bệnh viện

45. Thực tập xét nghiệm 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh và Ký sinh trùng thuộc chuyên ngành Xét nghiệm

Nội dung gồm kiến thức chuyên ngành để sử dụng các trang thiết bị, pha chế các hóa chất xét nghiệm, thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc các lĩnh vực Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học - Truyền máu. Rèn luyện đạo đức người kỹ thuật viên tính tỷ mỷ, cẩn thận, chính xác và trung thực. Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng.

46. Thực tập xét nghiệm 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập xét nghiệm 1

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc các lĩnh vực Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học - Truyền máu và Miễn dịch. Rèn luyện đạo đức người kỹ thuật viên tính tỷ mỷ, cẩn thận, chính xác và trung thực. Thực hiện kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng

47. Thực tập xét nghiệm 3: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập xét nghiệm 2

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc các lĩnh vực Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh.

48. Thực tập xét nghiệm 4: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập xét nghiệm 3

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm nâng cao thuộc các lĩnh vực Huyết học - Truyền máu, Miễn dịch và các kỹ thuật cơ bản trong lĩnh vực xét nghiệm tế bào.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo ngành xét nghiệm y học để thiết kế chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo ngành Xét nghiệm y học trình độ đại học

Chương trình khung đào tạo ngành Xét nghiệm y học trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được thực hiện ở tất cả các trường đại học/khoa y của trường đại học đào tạo ngành Xét nghiệm Y học trình độ đại học.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Xét nghiệm y học theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Xét nghiệm y học hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành

nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Xét nghiệm y học đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần ngành Xét nghiệm y học đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành bệnh viện

4.3.1. Thực tập phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và tiền lâm sàng phải theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên, mục tiêu đào tạo ngành Xét nghiệm Y học trình độ đại học có yêu cầu thực hành cao, do đó để đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

4.3.2. Thực hành bệnh viện

Tổ chức cho sinh viên đi thực hành bệnh viện sau khi đã làm được một số kỹ thuật cơ bản. Sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện càng sớm càng tốt, thường bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V và bố trí 5 buổi/tuần.

Thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế được Bộ Y tế công nhận, gồm bệnh viện tuyến Trung Ương, Thành phố, Tỉnh, Quận, Huyện.

4.4. Thực tế tốt nghiệp và thi tốt nghiệp

4.4.1. Thực tế tốt nghiệp

Thực tế tốt nghiệp tại các khoa Xét nghiệm bệnh viện trung ương, tỉnh/thành phố, bệnh viện thực hành của Trường đại học y, các viện nghiên cứu y sinh, trung tâm y tế dự phòng và các cơ sở y tế của địa phương.

4.4.2. Thi tốt nghiệp

Thời gian ôn và thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nội dung và hình thức thi: Thi tốt nghiệp có thể là khóa luận tốt nghiệp, thi cuối khóa hoặc kết hợp cả hai hình thức.

- Làm khóa luận tốt nghiệp: Thực hiện khóa luận theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thi cuối khóa: Do Hiệu trưởng quyết định, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành. Điểm thi của mỗi phần được tính độc lập.

+ Lý thuyết:

Nội dung: bao gồm kiến thức một số môn y học cơ sở có liên quan và các môn chuyên ngành.

Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc/và Tự luận

+ Thực hành:

Nội dung: gồm các kỹ năng thực hành của các môn chuyên ngành.

Hình thức thi: Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm theo đúng quy trình.

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo Xét nghiệm Y học trình độ đại học

Các cơ sở đào tạo Xét nghiệm Y học trình độ đại học, ngoài việc đảm bảo điều kiện chung của các trường đại học phải đảm bảo điều kiện tối thiểu về chuyên ngành như sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/Bộ môn của ngành tối thiểu phải có:

- Bộ môn Hóa - Hóa sinh
- Bộ môn Vi sinh
- Bộ môn Ký sinh trùng
- Bộ môn huyết học - truyền máu.

4.5.2. Cơ sở vật chất

Mỗi môn học chuyên ngành phải có ít nhất 1 phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ theo quy định chuyên môn của Bộ Y tế.

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của chuyên ngành:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục I
ĐỀ XUẤT DANH MỤC MỘT SỐ HỌC PHẦN BỔ TRỢ

46 đvht (14 LT - 32 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Một số xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	1	2
2	Y sinh học phân tử	3	2	1
3	Tổ chức, quản lý & kiểm tra chất lượng xét nghiệm	4	2	2
4	Xét nghiệm tế bào 3	2	1	1
5	Thực tập kỹ thuật XN 5 (Hóa sinh: 4, Huyết học: 4, VS-KST: 4, GPB: 4)	16	0	16
6	Các kỹ thuật huyết học truyền máu chuyên sâu	4	1	3
7	Một số kỹ thuật xét nghiệm Ký sinh trùng chuyên sâu	3	1	2
8	Độc chất học lâm sàng	3	2	1
9	Bệnh lý tế bào máu	3	2	1
10	Miễn dịch	3	1	2
11	Nhà nước và Pháp luật	2	1	1
Tổng cộng		**46**	**14**	**32**

Phụ lục II
MÔ TẢ NHIỆM VỤ

Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học có chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức, đón tiếp, hướng dẫn, giúp đỡ và chuẩn bị bệnh nhân trước khi tiến hành kỹ thuật tại khoa Xét nghiệm.

2. Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, thuốc, hóa chất theo yêu cầu của các kỹ thuật xét nghiệm.

3. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về huyết học, truyền máu, hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, giải phẫu bệnh và độc chất học. Pha chế các dung dịch chuẩn, thuốc thử, thuốc nhuộm, môi trường. Sử dụng bộ thuốc thử (Kit).

4. Sử dụng, bảo quản trang thiết bị trong phạm vi được phân công, phát hiện và xử lý lỗi kỹ thuật đơn giản. Chịu trách nhiệm cá nhân về những phương tiện, tài sản được phân công quản lý, sử dụng.

5. Dự trù, lĩnh vật tư, thuốc, hóa chất, sinh phẩm... khi được phân công. Định kỳ kiểm kê, đối chiếu các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực được giao.

6. Ghi chép, vào sổ, thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định. Lưu trữ, bảo quản các tài liệu trong lĩnh vực được giao.

7. Thực hiện chế độ vệ sinh phòng bệnh, tẩy uế, khử trùng dụng cụ..., đảm bảo vô khuẩn khoa phòng và chế độ an toàn trong công tác chuyên môn. Đề xuất biện pháp đảm bảo chất lượng xét nghiệm và thực hiện kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

8. Tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực hành cho học sinh, viên chức Xét nghiệm Y học ngạch thấp hơn khi được yêu cầu. Thường xuyên tự học, cập nhật kiến thức, kỹ thuật trong chuyên ngành xét nghiệm.

9. Tham gia kiểm tra, đánh giá công tác chuyên môn của khoa Xét nghiệm khi được phân công.

10. Thực hiện các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn của ngành y tế và các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế.

11. Tham gia giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng. Tham gia phòng chống dịch bệnh và chương trình y tế quốc gia.

12. Tham gia thực hiện các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: NHI KHOA
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Nhi khoa (Pediatrics)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sĩ Nhi khoa có y đức, có lòng yêu trẻ, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để tham gia xác định, đề xuất và giải quyết các vấn đề sức khỏe trẻ em, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em và nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp trong chuyên môn, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về sinh lý và bệnh lý ở trẻ em để chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho trẻ em.

- Có kiến thức để chẩn đoán và xử trí được các bệnh và tình trạng cấp cứu nhi khoa thường gặp.

- Nắm vững phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

- Nắm vững đúng chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em.

Về kỹ năng

- Kỹ năng thăm khám trẻ bình thường, đánh giá được sự phát triển thể chất, tâm thần, vận động của trẻ khỏe mạnh.

- Thăm khám, phát hiện được các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý thường gặp ở trẻ em.

- Chẩn đoán và xử lý các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường ở trẻ em.

- Thực hiện được các kỹ năng cơ bản lâm sàng nhi khoa.

- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường.

- Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch cho trẻ em.

- Áp dụng được một số bài thuốc y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh cho trẻ em.

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và người nuôi trẻ về chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho trẻ em để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ em.

- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tham gia nghiên cứu khoa học.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 304 đơn vị học trình (đvht) chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục quốc phòng - An ninh (11 đvht)

- ***Thời gian đào tạo***: 6 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)	60
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó: - Kiến thức cơ sở của ngành	55

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
	- Kiến thức ngành (Kể cả kiến thức chuyên ngành)	110
	- Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	64
	Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khóa luận)	15
	Tổng cộng	**304**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các phần học bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: ***55 đvht (49LT - 6TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4	4	0
4	Ngoại ngữ (có ngoại ngữ chuyên ngành)	12	12	0
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5*	2*	3*
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*	11*	
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Dân số học	2	2	0
9	Sinh học và di truyền	5	4	1
10	Lý sinh	4	3	1
11	Hóa học	5	4	1
12	Tin học ứng dụng	2	1	1
13	Xác suất- Thống kê y học	3	2	1
14	Tâm lý y học - Đạo đức y học	3	3	0
15	Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	0
	Tổng cộng	**55***	**49***	**6***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 55 đvht (41LT- 14TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu	7	5	2
2	Mô phôi	4	3	1
3	Sinh lý	6	5	1
4	Hóa sinh	5	4	1
5	Vi sinh y	5	4	1
6	Ký sinh trùng	4	3	1
7	Giải phẫu bệnh	3	2	1
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	4	3	1
9	Dược lý	5	4	1
10	Chẩn đoán hình ảnh	3	2	1
11	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	2	1
12	Dịch tễ học	3	2	1
13	Điều dưỡng cơ bản nhi khoa	3	2	1
Tổng cộng		**55**	**41**	**14**

3.1.2.3. Kiến thức ngành: 110 đvht (44 LT - 66TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Nội cơ sở	5	2	3
2	Ngoại cơ sở	5	2	3
3	Nội bệnh lý	5	2	3
4	Ngoại bệnh lý	5	2	3
5	Phụ sản	5	2	3
6	Y học cổ truyền	4	2	2
7	Da liễu	3	2	1
8	Phục hồi chức năng	3	2	1
9	Thần kinh	3	2	1
10	Tâm thần nhi	3	2	1

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
11	Răng hàm mặt nhi khoa	3	2	1
12	Tai mũi họng nhi khoa	3	2	1
13	Nhãn khoa trẻ em	3	2	1
14	Tổ chức, quản lý y tế và chương trình y tế quốc gia về chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	2	1
15	Nhi khoa cơ sở	5	2	3
16	Nhi khoa xã hội	5	2	3
17	Nhi khoa cộng đồng	2	0	2
18	Bệnh lý hô hấp nhi khoa	4	1	3
19	Bệnh lý thần kinh - tâm thần nhi khoa	4	1	3
20	Bệnh lý huyết học - ung thư nhi khoa	4	1	3
21	Bệnh lý nội tiết - chuyển hóa - di truyền nhi khoa	4	1	3
22	Bệnh lý thận - tiết niệu - sinh dục	4	1	3
23	Bệnh lý tim mạch nhi khoa	4	1	3
24	Bệnh lý tiêu hóa - dinh dưỡng nhi khoa	4	1	3
25	Bệnh lý sơ sinh - chu sinh học	4	1	3
26	Bệnh lý hồi sức cấp cứu	4	1	3
27	Bệnh lý truyền nhiễm nhi khoa	4	1	3
28	Ngoại Nhi	5	2	3
Tổng cộng		**110**	**44**	**66**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin: 8 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 12 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word. Dùng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao)

7. Giáo dục quốc phòng và an ninh: 11 đvht

Theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Dân số học: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về dân số và phát triển; các phương pháp nghiên cứu và tính toán các chỉ số liên quan đến dân số; mối liên quan giữa dân số và phát triển, dân số và y tế; các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

9. Sinh học và di truyền: 5 đvht

Nội dung gồm các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử); cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người; nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người; chỉ định và thực hiện được một số xét nghiệm di truyền cần thiết, tư vấn một số trường hợp bệnh tật di truyền thường gặp.

10. Lý sinh: 4 đvht

Nội dung gồm các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống. Các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị.

Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

11. Hóa học: 5 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hóa học, hóa phân tích, hướng dẫn thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết và làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung và phòng xét nghiệm nói riêng.

12. Tin học ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phần mềm xử lý thống kê, những phần mềm này rất thiết thực trong công tác quản lý và xử lý số liệu nghiên cứu y sinh học.

13. Xác xuất - Thống kê y học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng

Nội dung bao gồm một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong khoa học sức khỏe như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận; phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, tổ chức và trình bày số liệu; sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

14. Tâm lý y học - đạo đức y học: 3 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

15. Truyền thông và giáo dục sức khỏe: 2 đvht

Nội dung gồm các khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Hành vi sức khỏe; các kỹ năng và các phương pháp, phương tiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

16. Giải phẫu: 6 đvht

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận/cơ quan/hệ cơ quan của cơ thể người; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- *Giải phẫu I* - 3 đvht. Nội dung gồm: Giải phẫu đầu mặt cổ, chi trên, ngực.

- *Giải phẫu II* - 3 đvht. Nội dung gồm: Giải phẫu bụng, chi dưới..

17. Mô phôi: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp.

18. Sinh lý: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh, hóa học, giải phẫu

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể trẻ em với môi trường; vận dụng được những kiến thức cơ bản sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào việc học tập các môn lâm sàng nhi khoa.

Môn học được thiết kế thành 2 học phần:

- Sinh lý 1: 3 đvht - Nội dung gồm: Sinh lý tuần hoàn, hô hấp, thần kinh và nội tiết.

- Sinh lý 2: 3 đvht - Nội dung gồm: Sinh lý hệ thống tạo máu, tiêu hóa, tiết niệu.

19. Hóa sinh: 5 đvht

Điều kiện: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực nhi khoa.

20. Vi sinh: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các đặc điểm hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ vi sinh vật, môi trường và cơ thể, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh; các nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật.

21. Ký sinh trùng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo của ký sinh trùng, đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ phát triển và đặc điểm dịch tễ của các loại ký sinh trùng (KST) chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm bệnh học và tác hại của ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng; phân tích mối liên quan giữa vấn đề ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng; một số phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng và nguyên tắc điều trị cá thể, điều trị cộng đồng; các nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng.

22. Giải phẫu bệnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, mô phôi

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý; mối quan hệ giữa hình thái và chức năng; giữa con người và môi trường sống trong việc phân tích những biểu hiện lâm sàng của bệnh; giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học cả về lý thuyết và thực hành để xác định chẩn đoán một số bệnh thường gặp ở Việt Nam.

23. Sinh lý bệnh - miễn dịch: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiểu năng miễn dịch và tự miễn.

24. Dược lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm cơ chế tác dụng và tác dụng dược lý của các nhóm thuốc; áp dụng điều trị và độc tính của các thuốc đại diện cho từng nhóm; phân tích các thông số dược động học cơ bản để biết sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

25. Chẩn đoán hình ảnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh và giải phẫu

Nội dung gồm chẩn đoán hình ảnh các bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên, từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng, phổ cập như X quang quy ước, siêu âm đến các phương pháp hiện đại như chụp cắt lớp, cộng hưởng từ...

26. Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: hóa sinh, vi sinh

Nội dung bao gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

27. Dịch tễ học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác xuất - thống kê y học

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của trẻ em trong cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

28. Điều dưỡng cơ bản nhi khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm; mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật; trình bày cách xử trí với từng tai biến. Nguyên tắc cơ bản và xử trí thành thạo các tình huống sơ cứu thông thường.

29. Nội cơ sở: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm các kỹ thuật khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh nội khoa.

30. Ngoại cơ sở: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; một số kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

31. Nội bệnh lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, sinh lý bệnh - miễn dịch, giải phẫu bệnh, vi sinh, ký sinh trùng, dược lý.

Nội dung gồm cơ chế gây bệnh, tổn thương cơ bản của bệnh; chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc điều trị, phác đồ xử trí và các thuốc điều trị chính một số bệnh nội khoa thường gặp.

32. Ngoại bệnh lý: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, Chẩn đoán hình ảnh

Nội dung gồm đặc điểm dịch tễ học, sinh bệnh học, tổn thương giải phẫu bệnh; các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán xác đinh, chẩn đoán phân biệt, nguyên tắc xử trí cấp cứu, xử trí ban đầu, chỉ định và điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

33. Phụ sản: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường; chẩn đoán, định hướng và xử trí ban đầu một số trường hợp sản phụ khoa cấp cứu; chẩn đoán thai nghén bệnh lý, một số bệnh phụ khoa hay

gặp. Tư vấn về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản lứa tuổi vị thành niên.

34. Y học cổ truyền: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm những điểm cơ bản về lý luận, thuốc đông dược và các phương pháp chữa bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền. Kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị một số bệnh thông thường ở trẻ em. Các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, thủy châm để điều trị một số bệnh thường gặp trên lâm sàng.

35. Da liễu: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm các thương tổn cơ bản các bệnh da liễu thông thường ở trẻ em. Điều trị và phòng chống các bệnh da liễu thông thường ở tuyến cơ sở. Các nội dung cơ bản của chương trình phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

36. Phục hồi chức năng nhi khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm quá trình tàn tật và các định nghĩa, các biện pháp phòng ngừa khiếm khuyết, giảm khả năng và tàn tật ở trẻ em; các nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản trong phục hồi chức năng: vận động điều trị, giao tiếp, sử dụng các dụng cụ phục hồi chức năng.

37. Thần kinh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm các kiến thức, kỹ năng khám và phát hiện một số triệu chứng thần kinh thường gặp. Chẩn đoán và nguyên tắc xử trí một số hội chứng cơ bản trong thần kinh: Hội chứng liệt nửa người, liệt hai chân, đau đầu, tăng áp lực nội sọ, hội chứng thắt lưng hông.

38. Tâm thần: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nội bệnh lý, ngoại bệnh lý

Nội dung gồm các khái niệm về sức khỏe tâm thần, các nguy cơ chủ yếu về sức khỏe tâm thần hiện nay. Các biểu hiện về triệu chứng, hội chứng học trong thực hành tâm thần học; Xử trí các trạng thái cấp cứu trong tâm thần. Tổ chức chăm sóc, theo dõi bệnh nhi tâm thần ở cộng đồng. Các phương pháp điều trị, dự phòng các rối loạn tâm thần

39. Răng hàm mặt nhi khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các đặc điểm hình thái và chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn). Thực trạng và phương hướng giải quyết các vấn đề răng miệng ở Việt Nam. Nguyên nhân, phương pháp điều trị và dự phòng các bệnh răng

miệng phổ biến ở trẻ em: sâu răng và nha chu viêm. Đặc điểm chủ yếu của các nhiễm trùng răng hàm mặt. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các bệnh răng miệng cho trẻ em.

40. Tai mũi họng nhi khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, nội cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm dịch tễ học, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh thông thường, một số bệnh cấp cứu và chấn thương tai mũi họng thường gặp ở trẻ em; chẩn đoán định hướng và chuyển kịp thời các bệnh thuộc chuyên khoa tai mũi họng đi đúng tuyến chuyên khoa. Các biện pháp phòng bệnh tai mũi họng.

41. Nhãn khoa trẻ em: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm giải phẫu và sinh lý mắt. Triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh mắt thông thường ở trẻ em. Sơ cứu và điều trị một số bệnh cấp cứu về mắt thường gặp. Vai trò và mối liên quan bệnh mắt và bệnh toàn thân. Sử dụng một số phương tiện khám mắt thông thường. Các biện pháp bảo vệ và phòng chống bệnh mắt.

42. Tổ chức, quản lý y tế và chương trình y tế quốc gia về CSSKTE: 3 đvht

Nội dung gồm:

- Các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam; mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động, chương trình y học dự phòng.

- Hệ thống các chương trình y tế quốc gia về chăm sóc sức khỏe trẻ em, từ tình hình dịch tễ, các chính sách đến các chương trình can thiệp.

43. Nhi khoa cơ sở: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở

Nội dung gồm đặc điểm giải phẫu, sinh lý, nhu cầu dinh dưỡng và đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động của trẻ em.

44. Nhi khoa xã hội: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, các ưu tiên nhi khoa, chương trình lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, chương trình y tế học đường. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ em.

45. Nhi khoa cộng đồng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nhi khoa cơ sở, nhi khoa xã hội.

Nội dung gồm thiết kế và thực hiện chẩn đoán sức khỏe cộng đồng tại nhà trẻ, y tế cơ sở và bước đầu lập kế hoạch can thiệp.

46. Bệnh lý hô hấp nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý hô hấp trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu hô hấp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh hô hấp cho trẻ em.

47. Bệnh lý thần kinh - tâm thần nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý thần kinh - tâm thần trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu thần kinh - tâm thần ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh thần kinh - tâm thần cho trẻ em.

48. Bệnh lý huyết học - ung thư nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý huyết học - ung thư trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu huyết học - ung thư ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh huyết học - ung thư cho trẻ em.

49. Bệnh lý nội tiết - chuyển hóa - di truyền nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý nội tiết - chuyển hóa - di truyền trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội tiết - chuyển hóa - di truyền nhi khoa. Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng các bệnh lý nội tiết - chuyển hóa - di truyền ở trẻ em.

50. Bệnh lý thận - tiết niệu - sinh dục: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý thận - tiết niệu - sinh dục trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu thận - tiết niệu - sinh dục ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh thận - tiết niệu - sinh dục cho trẻ em.

51. Bệnh lý tim mạch nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý tim mạch trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội khoa tim mạch ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh tim mạch cho trẻ em.

52. Bệnh lý tiêu hóa - dinh dưỡng nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý tiêu hóa - dinh dưỡng trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu tiêu hóa - dinh dưỡng ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh tiêu hóa - dinh dưỡng cho trẻ em.

53. Bệnh lý sơ sinh - chu sinh học: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý sơ sinh - chu sinh học trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu sơ sinh - chu sinh học ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh sơ sinh - chu sinh học cho trẻ em.

54. Bệnh lý hồi sức cấp cứu: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý cấp cứu trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh và các cấp cứu nội khoa ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và dự phòng các bệnh cấp cứu cho trẻ em.

55. Bệnh lý truyền nhiễm nhi khoa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh lý truyền nhiễm trẻ em: Dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và xử trí các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, người nuôi dưỡng trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ em.

56. Ngoại nhi: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nhi khoa cơ sở

Nội dung gồm các tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, các nguyên tắc xử trí ban đầu, chỉ định và nguyên tắc điều trị các bệnh ngoại khoa thường gặp ở trẻ em.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo bác sỹ nhi khoa để thiết kế chương trình giáo dục cụ thể:

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo Bác sĩ Nhi khoa

Chương trình khung đào tạo Bác sĩ Nhi khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa y của các trường đại học được phép đào tạo Bác sĩ Nhi khoa.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 6 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành Nhi khoa theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Nhi khoa hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Nhi khoa đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Nhi khoa đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

a) Thực tập:

Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

b) Thực hành lâm sàng

Sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện càng sớm càng tốt, thường được bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V.

c) Thực tế tại cộng đồng

+ Đợt I: vào năm thứ ba sau khi sinh viên đã học xong các môn học y học cơ sở, y học tiền lâm sàng, cơ sở ngành.

+ Đợt II: vào cuối năm thứ năm sau khi sinh viên đã học xong một số môn về kiến thức ngành.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

a) Thực tập nghề nghiệp:

Thực hành cận lâm sàng: Tại các phòng thí nghiệm của trường, bệnh viện.

Thực hành lâm sàng: Tại cơ sở y tế ở các tuyến.

Thực tế tại cộng đồng: Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

b) Thi tốt nghiệp:

Thời gian ôn thi và khóa luận: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian thi: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hình thức thi: có 2 hình thức

+ Khóa luận tốt nghiệp, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị

+ Thi lý thuyết, thi lâm sàng và thi Lý luận chính trị

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo Bác sỹ Nhi khoa

Để đào tạo Bác sỹ Nhi khoa, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà Trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các Trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/Bộ môn tối thiểu phải có:

Đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các môn học, học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ Nhi khoa.

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Đủ các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu đào tạo các môn học/học phần thuộc kiến thức tối thiểu khối ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình khung đào tạo Bác sỹ Nhi khoa.

Đủ màng lưới các Bệnh viện thực hành, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo Bác sỹ Nhi khoa...

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục
ĐỀ XUẤT DANH MỤC MỘT SỐ HỌC PHẦN BỔ TRỢ

1. Danh mục một số học phần bổ trợ: 70 ĐVHT - gồm các môn lâm sàng, cận lâm sàng gợi ý sau:

- Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Dị ứng
- Y học hạt nhân
- Chấn thương chỉnh hình
- Kinh tế y tế
- Dược lý lâm sàng (Dược lý 2)
- Y học gia đình
- Thực tập cộng đồng
- Phẫu thuật thực hành
- Sức khỏe môi trường và sức khỏe lứa tuổi
- Kỹ năng giao tiếp nhi khoa
- HIV - AIDS trẻ em
- Y học bằng chứng..

2. Mô tả nội dung một số kiến thức bổ trợ:

2.1. Dị ứng

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn ở trẻ em. Cách khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh dị ứng và tự miễn hay gặp. Cách xử trí nhanh và chính xác một số trường hợp cấp cứu dị ứng: sốc phản vệ, cơ hen phế quản nặng, mày đay cấp tính, phù Quincks... Hướng dẫn được cách phòng các bệnh dị ứng hay gặp ở cộng đồng.

2.2. Y học hạt nhân

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.

Các nguyên lý và ưu điểm của một số phương pháp chẩn đoán y học hạt nhân in vitro như IRMA, RIA và ứng dụng. Cơ chế, nguyên lý và ưu điểm chẩn đoán y

học hạt nhân in vitro thường dùng. Sử dụng các kỹ thuật y học hạt nhân thích hợp trong công tác nghiên cứu khoa học chuyên ngành của mình. Cơ chế, nguyên lý và ưu nhược điểm một số phương pháp điều trị phổ biến bằng y học hạt nhân. Nguyên lý, cơ chế, các biện pháp kiểm soát và an toàn bức xạ.

2.3. Kinh tế y tế

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần: Sinh học và di truyền, Giải phẫu, Lý sinh, Hóa học, Sinh lý, Hóa sinh

Các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế; mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển; các bước của quá trình phân tích chi phí. So sánh các mô hình tài chính y tế; phân tích ưu, nhược điểm của viện phí; phân tích khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế; phân tích chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khỏe; phân tích, lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

2.4. Dược lý lâm sàng

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành các môn học/học phần Sinh học và di truyền, Hóa học, Lý sinh, Giải phẫu, Sinh lý, Mô phôi, Hóa sinh, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Vi sinh, Ký sinh trùng, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Dược lý, Giải phẫu bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Điều dưỡng cơ bản, Tiền lâm sàng, Nội cơ sở, Ngoại cơ sở, Sản, Nhi, Nội bệnh học, Ngoại bệnh học.

Kiến thức về tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị như dược động học, tác dụng không mong muốn, những chống chỉ định, thận trọng... để thầy thuốc có thể kê đơn được an toàn và hợp lý cho trẻ em.

2.5. Sức khỏe môi trường và sức khỏe lứa tuổi

Nội dung trình bày về các yếu tố ảnh hưởng lên sức khỏe trẻ em; các yếu tố gây ô nhiễm: nguồn gốc, yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe con người; các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau; các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động; các ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

2.6. Thực tập cộng đồng

Điều kiện: Truyền thông và giáo dục sức khỏe

Với học phần thực tập cộng đồng 1 sinh viên được làm quen với các điều kiện sống, tình hình sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng và bước đầu thực hành giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: ĐIỀU DƯỠNG
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Điều dưỡng (*Nursing)*

Mã ngành: 52720501

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có y đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

- Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Tôn trọng quyền của người bệnh.

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

Về kiến thức

Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

Người điều dưỡng có những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết:

- Hành nghề theo pháp luật nhà nước và đạo đức nghề nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.

- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.

- Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.

- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.

- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.

- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh.

- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 202 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - an ninh (11 đvht).

Thời gian đào tạo: 4 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức Giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	45
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở ngành	44
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	75
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	22
	Thực tế nghề nghiệp	06
	Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10
	Tổng cộng	**202**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: ***41 đvht (39 LT- 02 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4	4	0
4	Ngoại ngữ (có NN chuyên ngành)	10	10	0
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5 *		
7	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9	Hóa học	2	2	0
10	Sinh học và Di truyền	3	2	1
11	Vật lý và Lý sinh	2	2	0
12	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
Tổng cộng		**41***	**39***	**2***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: ***44đvht (30LT-14TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1	Giải phẫu	5	3	2
2	Sinh lý	4	3	1
3	Hóa sinh	4	3	1
4	Vi sinh vật	3	2	1
5	Ký sinh trùng	2	1	1

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
6	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	4	3	1
7	Dược lý	4	3	1
8	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người	2	1	1
9	Dinh dưỡng - Tiết chế	4	3	1
10	Sức khỏe môi trường	3	2	1
11	Dịch tễ học	3	2	1
12	Pháp luật - Tổ chức Y tế	3	2	1
13	Y học cổ truyền	3	2	1
	Tổng cộng	**44**	**30**	**14**

3.1.2.2. Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành): 83 đvht (40LT-43TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	4	3	1
2	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	3	2	1
3	Điều dưỡng cơ sở I	6	3	3
4	Điều dưỡng cơ sở II	5	2	3
5	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	3	2	1
6	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I	6	3	3
7	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa II	4	2	2
8	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	1	1
9	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	1	1
10	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I	6	3	3
11	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa II	4	2	2
12	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng	6	3	3
13	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	6	3	3
14	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	4	2	2
15	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	4	2	2
16	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	3	2	1
17	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	4	2	2

TT	Tên môn học/ học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
18	Quản lý điều dưỡng	3	2	1
19	Thực tế tốt nghiệp	8	0	8
Cộng		**83**	**40**	**43**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Ngoại ngữ: 10 đvht

Gồm 3 học phần.

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật hình ảnh y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao)

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 11 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - thống kê y học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và lý sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học Điều dưỡng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Một số phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng và chất lượng chăm sóc người bệnh; Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học về điều dưỡng. Phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học về điều dưỡng.

13. Tâm lý y học và đạo đức Y học: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu - Mô phôi: 5 đvht

Học phần 1 - Giải phẫu: Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

Học phần 2 - Mô phôi:

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.

Nội dung mô tả cấu trúc vi thể của các mô, các bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

15. Sinh lý: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, lý sinh, hóa học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

16. Hóa sinh: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh: Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường. Vận dụng những kiến thức hóa sinh vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

17. Vi sinh vật: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ của vi sinh vật với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; nguyên tắc phòng và chống vi sinh vật gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh. Vận dụng những kiến thức vi sinh vật vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

18. Ký sinh trùng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển và đặc điểm dịch tễ học của

một số loại ký sinh trùng chủ yếu ở Việt nam; đặc điểm cơ bản về bệnh học, nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng; mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Vận dụng những kiến thức về ký sinh trùng vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

19. Sinh lý bệnh - Miễn dịch: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình - quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiểu năng miễn dịch và tự miễn.Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh - Miễn dịch vào việc học tập các môn điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.

20. Dược lý: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hoạt động của thuốc trong cơ thể người bao gồm các nguyên lý dược động học như: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, bài tiết, tác dụng mong muốn và không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc thường dùng. Nhận biết hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản; Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.

21. Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người: 2 đvht

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe, về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng nâng cao sức khỏe; các khái niệm cơ bản về hành vi con người; mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe, vai trò của nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

22. Dinh dưỡng - Tiết chế: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, hóa sinh

Nội dung bao gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng; các kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm; Vận dụng kiến thức về Dinh dưỡng - Tiết chế vào thực tế chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hóa của người bệnh và cộng đồng.

23. Sức khỏe môi trường: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe; Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường. Vận dụng những kiến thức về sức khỏe môi trường vào việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh và cộng đồng. Nhận thức được trách nhiệm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp.

24. Dịch tễ học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác xuất - thống kê y học

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; Mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; Phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng; Nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch; Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

25. Pháp luật - Tổ chức y tế: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật; những quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng. Kiến thức về hệ thống tổ chức, quản lý và hoạt động của ngành Y tế nói chung và của ngành Điều dưỡng Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của người Điều dưỡng và hệ thống tổ chức Điều dưỡng.

26. Y học cổ truyền: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về lý luận Y học cổ truyền: Một số phương pháp chẩn trị của Y học cổ truyền; Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền;

27. Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau; hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp lấy người bệnh là trung tâm.

28. Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe và thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

29. Điều dưỡng cơ sở: 11 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

Môn học chia 3 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; đạo đức, định hướng phát triển; các học thuyết về điều dưỡng; quy trình điều dưỡng; thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.

30. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

31. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa: 9 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

32. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch, chăm sóc đặc biệt.

33. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; Nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi;

34. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa: 9 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại; Thực hiện các kỹ thuật và

quy trình chăm sóc ngoại khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

35. Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ và thời kỳ mãn kinh. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản - Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình;

36. Chăm sóc sức khỏe trẻ em: 6 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Môn học chia 2 học phần

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh lý, bệnh lý ở trẻ em trong các giai đoạn phát triển của trẻ; chăm sóc sức khỏe trẻ em; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nhi khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc trẻ bệnh).

37. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

38. Chăm sóc sức khỏe tâm thần: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe tâm thần; các phương pháp trị liệu, chăm sóc cho người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh);

39. Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng; Một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong quá trình chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng bằng vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; thực hiện được một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

40. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; các phương pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng và vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng sức khỏe cộng đồng.

41. Quản lý điều dưỡng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản.

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ người Điều dưỡng trong hệ thống quản lý Điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn.

42. Thực tế tốt nghiệp: 4 đvht

Đợt thực tế tốt nghiệp tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện;

Đợt thực tế tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; Phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả; Chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng.

1. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo ngành điều dưỡng để thiết kế các chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học

Chương trình khung đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được thực hiện ở tất cả các trường đại học/khoa y của trường đại học y để đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học.

Chương trình được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường ký phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn các phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Điều dưỡng theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Điều dưỡng hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Điều dưỡng đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Điều dưỡng đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học.

4.3. Thực tập, thực hành bệnh viện, thực tế tại cộng đồng:

4.3.1. Thực tập phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng tiền lâm sàng phải theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

4.3.3. Thực hành bệnh viện:

Sinh viên được thực hành bệnh viện, tham gia chăm sóc, theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc, quản lý khoa, buồng bệnh, làm các kỹ thuật chăm sóc dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của các trường.

4.3.4. Thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

Nên bố trí vào học kỳ 5 (năm thứ ba) sau khi sinh viên đó học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Sức khỏe - Môi trường, Dinh dưỡng - Tiết chế, Giáo dục sức khỏe và thực hành Điều dưỡng và hầu hết các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại một số nhà máy, xí nghiệp, trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường.

4.4. Phương pháp dạy/học:

- Coi trọng tự học của sinh viên.

- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/học tích cực.

- Đảm bảo sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu tham khảo cho sinh viên.

- Khi có tương đối đủ sách giáo khoa, khuyến khích giảm số giờ lên lớp lý thuyết để sinh viên có thêm thời gian tự học.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thí nghiệm, thực hành lâm sàng tại bệnh viện và thực tế tại cộng đồng bằng cách phân công giảng viên kết hợp với giảng viên kiêm chức tại cơ sở theo dõi giám sát các hoạt động của sinh viên, tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi kỹ thuật xét nghiệm, mỗi kỹ thuật chăm sóc và mỗi đơn vị học trình.

4.5. Đánh giá người học:

***4.5.1. Kiểm tra, thi thường xuyên*:**

Theo Quy chế và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Đối với các môn học/học phần thuộc khối kiến thức đại cương và các môn chung, kiến thức cơ sở, môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần lâm sàng, sau mỗi học phần sinh viên có một điểm thi kết thúc học phần.

- Đối với các môn học/học phần lâm sàng như: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa I và II, Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa I và II, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng, sau mỗi học phần sinh viên có hai điểm thi kết thúc học phần độc lập: phần lý thuyết (đánh giá như học phần chỉ có lý thuyết) và thực hành (đánh giá như học phần chỉ có thực hành).

***4.5.2. Thi tốt nghiệp*:**

Thực hiện dúng quy chế và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khối lượng kiến thức ôn thi tối thiểu: 20 đvht.

- Thời gian thi: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Hình thức thi: Thi tốt nghiệp gồm hai phần lý thuyết và thực hành, điểm thi của mỗi phần được tính độc lập.

*** Thi lý thuyết:**

Thi viết câu hỏi truyền thống có cải tiến hoặc câu hỏi trắc nghiệm.

Nội dung tổng hợp kiến thức các nội dung học mà trọng tâm là các nội dung: Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa, Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng, Quản lý điều dưỡng, chú ý đúng mức kiến thức nội dung Tâm lý học - Y đức.

*** Thi thực hành:**

- Thi theo hình thức truyền thống, rút thăm chọn người bệnh, làm kế hoạch chăm sóc và tiến hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

- Và/hoặc thi theo hình thức thi thực hành nhiều trạm (OSPE, OSCE) chú ý kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích, ra quyết định và giải quyết vấn đề.

*** Thi môn Lý luận chính trị:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.6. Điều kiện tối thiểu để có thể đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học:

Các cơ sở đào tạo đại học Điều dưỡng phải là các trường đại học Điều dưỡng hoặc Khoa Điều dưỡng trong các trường đại học Y Dược. Ngoài việc đảm bảo các điều kiện về giảng dạy các môn học/học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương và các môn chung, các cơ sở đào tạo phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.6.1. Tổ chức:

Ngoài các Bộ môn giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, các cơ sở đào tạo đại học Điều dưỡng phải có các bộ môn (khoa) sau:

- Bộ môn Giải phẫu
- Bộ môn Sinh lý
- Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch
- Bộ môn Hóa sinh
- Bộ môn Vi sinh vật - Ký sinh trùng
- Bộ môn Dược lý
- Bộ môn (Khoa) Y tế cộng đồng
- Bộ môn Luật - Tâm lý
- Bộ môn (Khoa) Điều dưỡng cơ bản
- Bộ môn Điều dưỡng cấp cứu
- Bộ môn Điều dưỡng Nội khoa
- Bộ môn Điều dưỡng Ngoại khoa
- Bộ môn Điều dưỡng trẻ em (Nhi)

- Bộ môn Điều dưỡng Phụ Sản
- Bộ môn Điều dưỡng Tâm thần
- Bộ môn Điều dưỡng người cao tuổi
- Bộ môn Y học cổ truyền
- Bộ môn Phục hồi chức năng.

4.6.2. Cơ sở vật chất:

Mỗi bộ môn có nội dung học thực hành phải có ít nhất 01 phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo diện tích và được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế.

4.6.3. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu đúng chuyên ngành:

Đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

(Xem tiếp Công báo số 143 + 144)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng